

Bản án số: 493/2020/DS-PT

Ngày: 10/6/2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hằng

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Mỹ Nhung

Bà Mai Thị Mỹ Tiên

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hoàng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08/5/2020, 05/6/2020 và 10/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2020/TLPT – DS ngày 22 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 475/2019/DSST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1815/2020/QĐPT-DS ngày 23/4/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 147/2020/QĐPT-DS ngày 08/5/2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 12/17 Đường Đ, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1994. *(Có mặt)*

Địa chỉ: 42 đường T, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 10/4/2018)

*2. Bị đơn:* Bà Đặng Thị O, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn hàng mỹ nghệ P, Ấp 1, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. *(Có mặt)*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Lê Mai U, sinh năm 1966. (Đã chết ngày 20/11/2017)

Địa chỉ: 12/17 Đường Đ, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Mai U:

- Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1968.

- Bà Phạm Lê Uyên G, sinh năm 1992.

- Trẻ Phạm Ngọc Lam K, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: 12/17 Đường Đ, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật của trẻ Phạm Ngọc Lam K:* ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1968.

3.2 Bà Tôn Nữ Tuyết V, sinh năm 1947.

Địa chỉ: BB19 đường S, Phường Y, Quận U, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Lê Uyên G và bà Tôn Nữ Tuyết V: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1994. *(Có mặt)*

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đặng Thị O.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Theo đơn khởi kiện nộp ngày 19/01/2018, ông Phạm Ngọc T trình bày:* Bà Đặng Thị O là bạn hợp tác làm ăn với mẹ vợ ông là bà Tôn Nữ Tuyết V, do đó mẹ vợ ông nhờ vợ chồng ông cho bà O mượn tiền vào ngày 12/3/2008 với số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng), thời hạn vay là 01 năm, nếu vợ chồng ông có lấy tiền thì báo cho bà O biết trước 07 ngày, lãi suất 2%/tháng, trả vào ngày 10 của mỗi tháng. Tuy nhiên, đến hết thời hạn vay thì bà O không trả tiền cho vợ chồng ông. Nay do vợ ông là bà Lê Mai U đã chết vào ngày 20/11/2017 nên ông khởi kiện ra Tòa án yêu cầu bà Đặng Thị O phải trả cho ông và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà U gồm: Phan Lê Uyên G, Phạm Ngọc Lan K và bà Tôn Nữ Tuyết V số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng). ông không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả số tiền một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn nộp tại Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Giấy vay tiền ngày 12/3/2008 (bản photocopy đã được Tòa đối chiếu bản chính).

2. Bị đơn bà Đặng Thị O đã được Tòa tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Tại phiên toà sơ thẩm bà Đặng Thị O có mặt.

3. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Mai U là Phạm Lê Uyên G và bà Tôn Nữ Tuyết V thống nhất yêu cầu của ông T và không có ý kiến gì khác.

4. Với tư cách là người đại diện theo pháp luật của trẻ Phạm Ngọc Lan K, sinh năm 2003 ông T không có ý kiến gì khác và có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ngọc T là bà Nguyễn Thị Kim C xác định yêu cầu bà Đặng Thị O trả cho ông Phạm Ngọc T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Mai U số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Với tư cách là đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Lê Uyên G và bà Tôn Nữ Tuyết V, bà Nguyễn Thị Kim C thống nhất với yêu cầu của ông Phạm Ngọc T.

Bà Đặng Thị O trình bày: bà không quen biết với ông Phạm Ngọc T và bà Lê Mai U, bà thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 12/3/2008 vay số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng) là của bà nhưng bà ký vay tiền bà Tôn Nữ Tuyết V không phải vay ông Phạm Ngọc T và bà Lê Mai U. Bà cũng trả số tiền trên cho bà V (ông Nguyễn Việt H là chồng bà V nhận), bà không còn nợ gì bà V nữa nên bà không đồng ý theo yêu cầu của ông Phan Ngọc T.

Chứng cứ bà O nộp tại phiên tòa sơ thẩm gồm: 02 giấy vay tiền ngày 12/3/2008; biên nhận ngày 23/7/2008; biên nhận ngày 16/8/2008; biên nhận ngày 13/9/2008; biên nhận ngày 26/3/2008 và giấy ghi ngày 08/12/2007 (bà V không xuất trình bản chính, tất cả đều là bản photocopy).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 475/2019/DSST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Ngọc T.

Buộc bà Đặng Thị O trả số tiền số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng) cho ông Phạm Ngọc T và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Mai U gồm: ông Phạm Ngọc T, chị Phạm Lê Uyên G, chị Phạm Ngọc Lan K và bà Tôn Nữ Tuyết V trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Đặng Thị O có trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với lãi suất được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày ông Phạm Ngọc T, chị Phạm Lê Uyên G, chị Phạm Ngọc Lan K và bà Tôn Nữ Tuyết V có đơn yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/12/2019 bị đơn bà Đặng Thị O có đơn kháng cáo đề nghị huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 475/2019/DSST của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà O trình bày nội dung và căn cứ kháng cáo:

Theo giấy vay tiền lập ngày 12/3/2008 bà vay tiền của bà Lê Mai U nhưng thực tế bà nhận tiền từ bà Tôn Nữ Tuyết V và bà đã trả tiền cho bà V thông qua ông Nguyễn Việt H là chồng bà V theo các giấy biên nhận ngày 26/3/2008, 23/7/2008, 16/8/2008, 13/9/2008. Bà O đề nghị triệu tập ông H tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng để làm rõ việc bà đã trả số tiền vay. Tại phiên tòa phúc thẩm bà O nộp bản chính các giấy biên nhận trên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm còn trong thời hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 12/3/2008 có cơ sở xác định bà O có vay của bà Lê Mai U số tiền 1.100.000.000 đồng. Do tại phiên tòa sơ thẩm bà O không cung cấp được bản chính các giấy biên nhận do ông Nguyễn Việt H ký nhận nên tòa án cấp sơ thẩm không có cơ sở để xem xét. Tuy nhiên tại giai đoạn phúc thẩm bà O đã cung cấp bản chính các Giấy biên nhận này, do đó để đảm bảo việc xác minh, xem xét các chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, đảm bảo được quyền lợi của các đương sự trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 26/11/2019, Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 475/2019/DS-ST. Đến ngày 04/12/2019 bị đơn có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của các đương sự nêu trên còn trong hạn luật định và hợp lệ.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại 213 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên theo kết quả xác minh của Công an phường Tây Thạnh, quận Tân Phú thì bà O không còn cư trú tại địa chỉ trên từ tháng 10/2017, chuyển đi đâu không rõ. Căn cứ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì bà Đặng Thị O là người đại diện pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn hàng mỹ nghệ P, có trụ sở tại ấp Tân

Tiền, xã Tân Thông Hội, huyện C. Bà O có nơi làm việc tại C. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân huyện C có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về tố tụng: Tại phiên toà phúc thẩm bà O trình bày bà có địa chỉ nơi làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn hàng mỹ nghệ P, có trụ sở tại ấp 1, xã A, huyện C, tuy nhiên bà không nhận được đầy đủ các thông báo của Toà án. Qua xem xét thủ tục tổng đạt của Toà án nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án nhân dân huyện C thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng tại nơi làm việc của bà O là đúng. Tuy nhiên, xét thủ tục tổng đạt cho thấy vào ngày 05/7/2019 Toà án nhân dân huyện C lập biên bản không thể thực hiện được việc tổng đạt giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, với nội dung tại thời điểm tổng đạt ông Trần Văn Yên là bảo vệ công ty TNHH sản xuất hàng mỹ nghệ P cho biết bà Đặng Thị O không có mặt tại địa chỉ trên, do đó Toà tiến hành niêm yết theo quy định. Biên bản có sự chứng kiến của ông Vũ Đức Thắng là trưởng ấp.

Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì trong trường hợp này nếu bà O vắng mặt thì Tòa phải lập biên bản giao cho trưởng ấp thực hiện việc ký nhận và cam kết giao tận tay cho người được cấp, tổng đạt, thông báo. Biên bản này phải được lưu trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 179 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và 178 của Bộ luật này. Toà án nhân dân huyện C tiến hành thủ tục niêm yết khi chưa tiến hành thủ tục không tổng đạt được văn bản tố tụng qua người thứ ba có thẩm quyền nhận thay văn bản là không đúng trình tự thủ tục tổng đạt quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự như đã phân tích ở trên.

Tương tự đối với các biên bản không thể thực hiện được việc tổng đạt và niêm yết các ngày 01/8/2019, 09/10/2019.

[3.2] Về nội dung: Căn cứ theo Giấy vay tiền ngày 12/3/2008 (đã được Toà án sơ thẩm và phúc thẩm đối chiếu bản chính) và lời xác nhận của bị đơn có cơ sở xác định bà Đặng Thị O có vay của bà Lê Mai U số tiền 1.100.000.000 đồng, thông qua mẹ của bà Lê Mai U là bà Tôn Nữ Tuyết V.

Xét lời trình bày của bị đơn bà Đặng Thị O tại đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm, bà O cho rằng bà nhận tiền vay từ bà V và bà đã trả hết toàn bộ số tiền vay cho bà U qua ông Nguyễn Việt H (là chồng của bà V). Bà O xuất trình bản chính các giấy biên nhận ngày 26/3/2008 trả số tiền 300.000.000 đồng; ngày

23/7/2008 trả số tiền 200.000.000 đồng; ngày 16/8/2008 trả 270.000.000 đồng; ngày 13/9/2008 trả 200.000.000 đồng; ngày 08/12/2007 trả 136.000.000 đồng. Các giấy biên nhận này bà O chỉ nộp bản photocopy tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản khai ngày 14/5/2020 gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Việt H trình bày tất cả chữ viết và chữ ký trên các giấy biên nhận bà O nộp cho Tòa đều là của ông. Đối với giấy biên nhận ngày 13/9/2008 có nội dung “Tôi Nguyễn Việt H chồng cô V có nhận của chị O số tiền là (hai trăm triệu đồng chẵn) số tiền này là số tiền trả nợ cho Lê Mai U con chị V”. Tuy nhiên số tiền 2000.000.000 đồng tại biên nhận này là số tiền trả cho giấy nợ ngày 10/3/2006 mà bà O vay của bà Lê Mai U. Các biên nhận còn lại ông không nhớ chính xác vì thời gian đã lâu, nhưng không liên quan đến bà U.

Qua xem xét các chứng cứ mới do đương sự cung cấp tại giai đoạn phúc thẩm và lời trình bày của bà O, ông H. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, tại phiên tòa phúc thẩm tuy nguyên đơn có nộp bản chính một giấy vay tiền ngày 10/3/2006 có nội dung bà O vay của bà Lê Mai U số tiền 200.000.000 đồng để giải thích cho biên nhận ngày 13/9/2008 có nội dung “Tôi Nguyễn Việt H chồng cô V có nhận của chị O số tiền là (hai trăm triệu đồng chẵn) số tiền này là số tiền trả nợ cho Lê Mai U con chị V”. Tuy nhiên giấy biên nhận này không nói rõ là trả cho khoản vay nào trong khi vào thời điểm viết giấy biên nhận (13/9/2008) bà O có nợ bà U khoản vay 200.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 10/3/2006 nguyên đơn mới cung cấp và 1.100.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 12/3/2008 là đối tượng khởi kiện trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà nguyên đơn khởi kiện. Tương tự đối với bản chính các biên nhận ngày 26/3/2008, 23/7/2008, 16/8/2008, 13/9/2008 chưa được xác minh làm rõ là trả cho khoản vay nào, có liên quan đến các khoản nợ 1.100.000.000 đồng của bà O với bà U hay không. Do đây là các chứng cứ mới mà phát sinh có liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chưa được xem xét, xác minh làm rõ tại giai đoạn sơ thẩm. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại mới đảm bảo việc xem xét, giải quyết toàn diện vụ án.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm.

[5] Từ những phân tích nêu trên và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và cần phải xác minh làm rõ thêm chứng cứ mới có cơ sở giải quyết toàn diện và triệt để vụ án mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được, nên chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo quy định pháp luật.

[6] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị O.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 475/2019/DSST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho bà O 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0083034 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND H. C (Kèm HSVA);
- Cục THA DS TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP (16).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hằng**